TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NHA TRANG** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2023/DS-ST
Ngày 08 tháng 5 năm 2023
V/v: *"Tranh chấp vay tài sản và yêu cầu người thừa kế thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG,
TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lương Ngọc Yến Anh**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Đào Thanh Tùng**
Ông **Lưu Văn Có**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Võ Thu Thủy** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang tham gia phiên tòa:*** Ông **Nguyễn Giỏi Mạnh Phi** - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 36/2022/TLST-DS ngày 24/02/2022 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và yêu cầu người thừa kế thực hiện nghĩa vụ về tài sản do người chết để lại"*; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2023/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2023/QĐST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Tố N** - Sinh năm: 1965

Địa chỉ: Thôn Phước S, xã Phước Đ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; Có mặt.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:*

Ông **Lê Văn T**, Luật sư, Văn phòng luật sư Lê Văn T và cộng sự - Thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Khánh Hòa; Có mặt.

** Bị đơn:*

1. Bà **Lò Thị Hoàng Y** - Sinh năm: 1995; Địa chỉ: Thôn Phước T, xã Phước Đ, thành phố Nha Trang, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

2. Ông **Phạm Hoàng V** - Sinh năm: 1985; Địa chỉ: Thôn Phước T, xã Phước Đ, thành phố Nha Trang, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

(*Các bị đơn đều vắng mặt).*

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông **Nguyễn Văn T** - Sinh năm: 1966; Địa chỉ: Thôn Phước S, xã Phước Đ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; Có mặt.

** Người làm chứng:*

1. Bà **Nguyễn Thị Kim K**; Địa chỉ: Thôn Phước T, xã Phước Đ, thành phố Nha Trang, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; Vắng mặt.

2. Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm: 1952; Địa chỉ: Thôn Phước T, xã Phước Đ, thành phố Nha Trang, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; Có đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Ông **Bùi Xuân T**, sinh năm: 1967; Địa chỉ: Thôn Phước T, xã Phước Đ, thành phố Nha Trang, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai và các biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tố N trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 05/12/2018, tôi có cho bà Lò Thị H, địa chỉ: Thôn Phước Thượng, xã Phước Đồng, thành phố Nha Trang vay số tiền 130.000.000 đồng, với lãi suất thỏa thuận và bà H hẹn khi nào cần tôi chỉ báo trước cho bà H 01 tháng, thì bà H sẽ trả lại cho tôi số tiền này. Để bảo đảm cho khoản vay, bà Hiếu đưa cho tôi giữ 01 (Một) bản chính Giấy sang nhượng đất đề ngày 12/02/2012 do ông Nguyễn Văn H bán cho bà Lò Thị H. Bà H cam kết trong vòng 06 tháng, nếu bà H không trả được tiền lãi thì tôi được quyền sở hữu tài sản là nhà đất mà bà H đã thế chấp cho tôi. Tuy nhiên vào năm 2019, bà Lò Thị H đột ngột qua đời. Ngày 11/11/2020, bà Lò Thị Hoàng Y (Là con gái ruột của bà H) viết giấy xác nhận việc bà H có vay của tôi số tiền 130.000.000 đồng và tiền lãi 1.5%/tháng; Đồng thời, bà Y xin tôi chờ đến khi mãn tang bà H sẽ thu xếp bán nhà để trả đủ cho tôi số tiền mà bà H còn nợ. Thời hạn bán nhà là từ tháng 02/2021 đến tháng 7/2021, nếu quá thời hạn trên thì lãi suất tính 02%/tháng. Đã quá thời hạn cam kết nhưng bà Lò Thị Hoàng Y vẫn không trả cho tôi số tiền nói trên, nên tôi đã khởi kiện yêu cầu bà Y phải thanh toán cho tôi số tiền 200.200.000 đồng (Trong đó: Nợ gốc là 130.000.000 đồng; nợ lãi tính theo lãi suất 1.5%/tháng x 36 tháng).

Đến ngày 20/7/2022, tôi khởi kiện bổ sung yêu cầu ông Phạm Hoàng V và bà Lò Thị Hoàng Y – Đều là con ruột của bà Lò Thị H phải cùng thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho tôi với số tiền nợ gốc là 130.000.000 đồng, tiền lãi tính với mức lãi suất 1.5%/tháng, tính từ tháng 12/2018 cho đến tháng 01/2023 (Trừ đi 04 tháng mà các con bà Hu đã trả lãi cho tôi, còn 46 tháng), với tổng số tiền lãi là 89.000.000 đồng.

* Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các bị đơn là bà Lò Thị Hoàng Y và ông Phạm Hoàng V nhưng các bị đơn vẫn cố tình trốn tránh, không đến Tòa để cung cấp lời khai cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ, chứng minh để tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

* Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T trình bày:

Tôi là chồng của bà Nguyễn Thị Tố N. Vào năm 2018, tôi có biết việc vợ tôi là bà N cho bà Lò Thị H vay số tiền 130.000.000 đồng. Bà H có đưa cho vợ tôi một Giấy sang nhượng đất đề ngày 12/02/2012 do ông Nguyễn Văn H bán cho bà Lò Thị H. Bà H hẹn khi nào vợ tôi cần chỉ việc báo trước cho bà H 01 tháng thì bà H sẽ trả

lại toàn bộ số tiền nói trên. Tuy nhiên, sau đó bà H đột ngột qua đời và đến nay vẫn chưa có ai trả tiền cho vợ tôi. Nay, vợ tôi khởi kiện yêu cầu Lò Thị Hoàng Y và ông Phạm Hoàng V – là người thừa kế của bà Lò Thị H phải có nghĩa vụ trả lại cho vợ tôi số tiền nợ gốc là 130.000.000 đồng, tiền lãi tính với mức lãi suất 1.5%/tháng, tính từ tháng 12/2018 cho đến tháng 01/2023 (Trừ đi 04 tháng mà các con bà Hiếu đã trả lãi cho vợ tôi, còn 46 tháng), với tổng số tiền lãi là 89.000.000 đồng, thì tôi hoàn toàn thống nhất. Ngoài ra, tôi không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

* Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 27/12/2022, biên bản hòa giải, người làm chứng là bà Nguyễn Thị T trình bày:

Tôi và bà Lò Thị H là bạn hàng xóm thân thiết do nhà chúng tôi ở gần nhau. Tôi có biết việc bà H vay mượn tiền của bà Nguyễn Thị Tố N, tôi có ký vào Giấy mượn tiền đề ngày 05/12/2018 giữa bà H và bà N với tư cách là người làm chứng.

Theo tôi được biết bà H có 03 người con, con gái đầu của bà H tên thật là gì tôi không biết, chỉ biết tên thường gọi là T nhưng đã chết trước bà H; Đứa thứ hai là con trai tên Phạm Hoàng V (tên thường gọi là Tý); Đứa thứ ba là con gái tên Lò Thị Hoàng Y. Ngoài 03 người con ruột kể trên, bà H không có con riêng hay con nuôi nào khác. Tôi biết bà H có chồng nhưng vợ chồng bà H đã bỏ nhau từ lâu, hiện nay chồng bà H ở đâu và đang làm gì thì tôi không biết. Từ khi quen biết bà H cho đến nay, tôi biết bà H chỉ có một căn nhà tại địa chỉ thôn Phước Thượng, xã Phước Đồng, thành phố Nha Trang là tài sản duy nhất của bà H để lại. Ngoài ra, tôi không biết bà H còn tài sản nào khác.

* Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 27/12/2022, người làm chứng là bà Nguyễn Thị Kim K trình bày:

Tôi là cháu của bà Lò Thị H, tôi sinh sống ở nhà bà Hiếu nhưng không đăng ký tạm trú hoặc thường trú. Bà Hiếu có 03 người con là: Phạm Thị Hoàng A (tên thường gọi là Trắng, đã chết); Phạm Hoàng V (tên thường gọi là Tý) và Lò Thị Hoàng Y (mang họ của mẹ trước bà H). Ngoài 03 người con trên, bà H không có con nuôi hay con riêng nào khác. Cha mẹ của bà H cũng chết từ lâu nhưng tôi không nhớ năm. Theo tôi được biết thì nhà đất tại thôn Phước Thượng, xã Phước Đồng, thành phố Nha Trang là tài sản duy nhất do bà Lò Thị H để lại và tôi được biết bà H không để lại di chúc cho ai.

* Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 27/12/2022, người làm chứng là ông Bùi Xuân T trình bày:

Tôi nhận nhiệm vụ làm thôn trưởng thôn Phước Thượng, xã Phước Đồng, thành phố Nha Trang gần 20 năm nên nắm rõ tình hình trong thôn. Bà Lò Thị H chuyển đến sinh sống tại địa phương khoảng 10 năm nay. Bà H cùng 02 người con là Phạm Hoàng V và Lò Thị Hoàng Y có sinh sống ổn định tại địa phương nhưng không thấy chồng bà H, nên địa phương không nắm được thông tin về chồng của bà H.

Theo tôi biết, nhà đất tại thôn Phước Thượng, xã Phước Đồng, thành phố Nha Trang mà bà Hiếu sinh sống trước khi chết là tài sản do bà H nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn H (các bên có viết giấy tay). Nhà đất tại địa chỉ nêu trên là tài

sản duy nhất của bà Lò Thị H để lại, ngoài ra địa phương không biết được thông tin gì thêm.

** Tại phiên tòa:*

1. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tố N vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện và yêu cầu khởi kiện bổ sung, yêu cầu ông Phạm Hoàng V và bà Lò Thị Hoàng Y – Là người thừa kế của bà Lò Thị H phải cùng thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà N với số tiền nợ gốc là 130.000.000 đồng, tiền lãi tính với mức lãi suất 1.5%/tháng, tính từ tháng 12/2018 cho đến tháng 12/2022, tổng cộng là 48 tháng, với tổng số tiền lãi là 93.200.000 đồng; Tiền lãi từ tháng 01/2023 đến tháng 05/2023 (Trừ đi 04 tháng mà các con bà H đã trả lãi cho bà N).

2. Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị Tố N trình bày: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của các đương sự tại phiên tòa, tôi đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tố N; Buộc các bị đơn ông Phạm Hoàng V và bà Lò Thị Hoàng Y (Là các con của bà Lò Thị H) phải có nghĩa vụ trả số tiền mà bà H đã vay của bà N, nợ gốc: 130.000.000 đồng, nợ lãi 93.200.000 đồng.

3. Kiểm sát viên - Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đã chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468, khoản 2 Điều 469, Điều 614 và Điều 615, tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tố N. Buộc các bị đơn ông Phạm Hoàng V và bà Lò Thị Hoàng Y liên đới chịu trách nhiệm trả cho bà Nga số tiền nợ gốc là 130.000.000 đồng, tiền lãi tính với mức lãi suất 1.5%/tháng, tính từ tháng 12/2018 cho đến tháng 12/2022, với tổng số tiền lãi là 93.200.000 đồng.

- Án phí: Các bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] Quan hệ pháp luật: Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 16/12/2021, bà Nguyễn Thị Tố N yêu cầu bà Lò Thị Hoàng Y trả khoản tiền vay mà bà Lò Thị H (Là mẹ ruột của bà Y) đã vay của bà N. Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang thụ lý vụ án dân sự và xác định quan hệ pháp luật là *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu ông Phạm Hoàng Vũ và bà Lò Thị Hoàng Y – Là các đồng thừa kế của bà Lò Thị H (đã chết) phải có nghĩa vụ thanh toán khoản vay của bà H để lại. Do vậy, Tòa án xác định lại quan hệ tranh chấp là *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và yêu cầu người thừa kế thực hiện nghĩa vụ về tài sản do người chết để lại"*.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và yêu cầu người thừa kế thực hiện nghĩa vụ về tài sản do người chết để lại, giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tố N với các bị đơn là ông Phạm Hoàng V và bà Lò Thị Hoàng Y,

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Tại phiên tòa, các bị đơn là ông Phạm Hoàng V, bà Lò Thị Hoàng Y đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng; Người làm chứng bà Nguyễn Thị T vắng mặt nhưng có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Những người làm chứng khác vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự trong vụ án.

[2] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

[2.1] Theo lời khai của nguyên đơn, do mối quan hệ quen biết nên ngày 05/12/2018, bà Nguyễn Thị Tố N có cho bà Lò Thị H vay số tiền 130.000.000 đồng. Hai bên có lập Giấy mượn tiền "Có thế chấp tài sản" đề ngày 05/12/2018 với nội dung: *"Tôi tên Lò Thị Hiếu, sinh năm: 1965; Hộ khẩu thường trú: Thôn Phước Thượng, Phước Đồng, Nha Trang trong công việc làm ăn có mượn của bà Nguyễn Thị Tố Nga, sinh năm: 1965 và ông Nguyễn Văn Trung, sinh năm: 1966; Thường trú: Thôn phước Sơn, xã Phước Đồng, Tp Nha Trang, số tiền mượn: 110.000.000 đồng + cộng thêm 20 triệu đồng chẵn (Một trăm ba mươi triệu chẵn). Tôi hứa, nếu lúc nào chị Nga cần tiền báo trước cho tôi 01 tháng, tôi sẽ trả đầy đủ cho chị Nga (với lãi suất thỏa thuận). Trong vòng 06 tháng không giải quyết được tiền lãi, chị Nga được quyền sở hữu tài sản của tôi đã thế chấp cho chị Nga"*. Giấy mượn tiền nói trên có chữ ký của người mượn là bà Lò Thị Hiếu và người làm chứng là bà Nguyễn Thị Thiện. Hơn nữa, chính con gái của bà Hiếu là Lò Thị Hoàng Yến - sinh năm 1995 đã tự tay viết vào mặt sau của Giấy mượn tiền, với nội dung: *"Tôi xác nhận mẹ tôi bà Lò Thị Hiếu có vay của cô Nguyễn Thị Tố Nga số tiền 130.000.000 đồng. Nay mẹ tôi qua đời, cô Nga đồng ý để mãn tang mẹ. Chúng tôi sẽ bán nhà thanh toán trả tiền gốc và tiền lãi 1.5%/tháng cho cô Nga đầy đủ. Thời hạn bán nhà là 02 tháng đến tháng 7/2021, quá thời hạn này lãi suất sẽ là 2%/tháng"*. Mặt khác, chính nguyên đơn cũng xác nhận sau khi bà Hiếu chết thì các con của bà Hiếu đã trả cho nguyên đơn được 04 tháng tiền lãi, với mức lãi suất 1.5%/tháng. Lời khai này của nguyên đơn phù hợp với lời khai của người làm chứng là bà Nguyễn Thị Thiện (bút lục số 59, 71) và bà Nguyễn Thị Kim Khánh (bút lục số 61) cùng các chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ.

Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định bà Lò Thị Hiếu vay của vợ chồng bà Nguyễn Thị Tố Nga và ông Nguyễn Văn Trung số tiền 130.000.000 đồng là sự thật. Hợp đồng vay giữa bà Nga với bà Hiếu là hợp đồng vay không kỳ hạn và có thỏa thuận về lãi suất, theo quy định tại Điều 463, khoản 2 Điều 469 Bộ luật Dân sự 2015.

[2.2] Xác định hàng thừa kế và di sản do bà Lò Thị Hiếu để lại: Mặc dù trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị đơn đều vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai của các ông/bà Phạm Hoàng Vũ, Lò Thị Hoàng Yến; Hội đồng xét xử dựa vào tài liệu, chứng cứ mà Tòa án đã thu thập được

có trong hồ sơ, thấy rằng: Trích lục khai tử (Bản sao) số 916/TLKT-BS, được Ủy ban nhân dân xã Phước Đồng, thành phố Nha Trang cấp ngày 05/4/2019 (Bút lục số 32) thể hiện bà Lò Thị Hiếu, sinh năm 1965 qua đời vào ngày 04/4/2019 tại thôn Phước Thượng, xã Phước Đồng, thành phố Nha Trang. Theo quy định tại Điều 614 và Điều 615 của Bộ luật Dân sự năm 2015, kể từ thời điểm mở thừa kế (Ngày 04/4/2019), những người thừa kế của bà Lò Thị Hiếu có các quyền, nghĩa vụ tài sản do bà Lò Thị Hiếu để lại.

Tại các biên bản lấy lời khai của những người làm chứng là bà Nguyễn Thị Kim Khánh (Là cháu của bà Lò Thị Hiếu), bà Nguyễn Thị Thiện (Là bạn hàng xóm thân thiết của bà Lò Thị Hiếu) và ông Bùi Xuân Thềm (Trưởng thôn Phước Thượng, xã Phước Đồng) đều thể hiện: Bà Lò Thị Hiếu có 03 *(ba)* người con là Phạm Thị Hoàng Anh (Tên thường gọi là Trắng, đã chết trước bà Hiếu); Phạm Hoàng Vũ (Tên thường gọi là Tý) và Lò Thị Hoàng Yến (Mang họ của mẹ). Ngoài 03 *(ba)* người con trên, bà Hiếu không có con nuôi hay con riêng nào khác. Cha mẹ của bà Hiếu đã chết từ lâu. Sau khi ly hôn với chồng, bà Hiếu mua nhà và sinh sống cùng các con tại thôn Phước Thượng, xã Phước Đồng, thành phố Nha Trang được khoảng 10 năm; Từ khi sinh sống tại địa phương, không thấy chồng bà Hiếu nên không ai biết gì về nhân thân, lai lịch của chồng bà. Thửa đất có chiều ngang mặt tiền bê tông 5m, chiều dài 70m, tọa lạc tại thôn Phước Thượng, xã Phước Đồng, thành phố Nha Trang là tài sản do bà Hiếu nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn Hùng (Có lập giấy sang nhượng đất nhưng không được công chứng, chứng thực) và nhà đất này là tài sản duy nhất do bà Lò Thị Hiếu để lại.

[2.3] Từ những tài liệu nêu trên, Hội đồng xét xử đủ cơ sở để xác định hàng thừa kế thứ nhất của bà Lò Thị Hiếu gồm ông Phạm Hoàng Vũ và bà Lò Thị Hoàng Yến. Bà Hiếu chết có để lại di sản là nhà đất tại thôn Phước Thượng, xã Phước Đồng, thành phố Nha Trang. Như vậy, khi bà Lò Thị Hiếu chết nhưng ông Phạm Hoàng Vũ và bà Lò Thị Hoàng Yến (Là người thừa kế quyền, nghĩa vụ đối với tài sản do bà Lò Thị Hiếu để lại), đã không thực hiện việc trả nợ cho bà Nguyễn Thị Tố Nga là xâm phạm đến lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu các bị đơn là ông Phạm Hoàng Vũ và bà Lò Thị Hoàng Yến phải liên đới trả lại cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 130.000.000 đồng, là có căn cứ để chấp nhận.

[2.4] Đối với yêu cầu về tiền lãi: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tố Nga khai nhận khi ký giấy vay mượn tiền, giữa bà và bà Hiếu có thỏa thuận lãi suất vay là 3%/tháng. Tuy nhiên sau khi bà Hiếu chết, con gái của bà Hiếu là Lò Thị Hoàng Yến có xin giảm mức lãi suất xuống còn 1.5%/tháng, bà Nga đã đồng ý với mức lãi suất này. Lời khai của bà Nga về mức lãi suất cho vay phù hợp với nội dung xác nhận của bà Lò Thị Hoàng Yến tại mặt sau của Giấy mượn tiền đề ngày 05/12/2018.

Tại phiên tòa, bà Nga yêu cầu các bị đơn phải trả tiền lãi, với mức lãi suất 1.5%/tháng, tính từ tháng 12/2018 cho đến tháng 12/2022, tổng cộng là 48 tháng, với tổng số tiền lãi là 93.200.000 đồng; Tiền lãi tính từ tháng 01/2023 đến tháng 05/2023 được bà Nga trừ đi, vì các con của bà Hiếu đã trả cho bà 04 tháng tiền lãi.

Hội đồng xét xử nhận thấy mức lãi suất do các bên thỏa thuận phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, nên yêu cầu của nguyên đơn về lãi suất là có căn cứ để chấp nhận.

[3] Xét trách nhiệm trả nợ cụ thể của các bị đơn:

Hội đồng xét xử thấy rằng, ông Phạm Hoàng Vũ và bà Lò Thị Hoàng Yến đều là hàng thừa kế thứ nhất của bà Lò Thị Hiếu, được quyền hưởng thừa kế từ di sản của bà Hiếu, nên phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ vay do bà Hiếu để lại, cụ thể: Ông Phạm Hoàng Vũ và bà Lò Thị Hoàng Yến, mỗi người có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị Tố Nga số tiền nợ gốc là 65.000.000 đồng và nợ lãi là 46.600.000 đồng.

[4] Án phí: Căn cứ Điều 144, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tố Nga được chấp nhập nên các bị đơn ông Phạm Hoàng Vũ và bà Lò Thị Hoàng Yến, mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền: (65.000.000 đồng + 46.600.000 đồng) x 5% = 5.580.000 đồng *(Năm triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng).*

- Hoàn lại cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tố Nga số tiền 5.005.000 đồng *(Năm triệu không trăm lẻ năm nghìn đồng)* tạm ứng án phí mà bà Nga đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001182 ngày 21/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468, khoản 2 Điều 469, Điều 614 và Điều 615 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tố Nga;

Bị đơn ông Phạm Hoàng Vũ và bà Lò Thị Hoàng Yến, mỗi người có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị Tố Nga số tiền nợ gốc là 65.000.000 đồng *(Sáu mươi lăm triệu đồng)* và nợ lãi là 46.600.000 đồng *(Bốn mươi sáu triệu sáu trăm nghìn đồng),* ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí:

- Ông Phạm Hoàng Vũ và bà Lò Thị Hoàng Yến, mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 5.580.000 đồng *(Năm triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng).*

- Hoàn lại cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tố Nga số tiền 5.005.000 đồng *(Năm triệu không trăm lẻ năm nghìn đồng)* tạm ứng án phí mà bà Nga đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001182 ngày 21/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang.

3. Quy định: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015, tương ứng với thời gian chậm trả.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn và người liên quan có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án. Các bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND Tp. Nha Trang;
- Chi cục THADS Tp. Nha Trang;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Ngọc Yến Anh